

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/DS - ST
Ngày 13 tháng 3 năm 2023
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Giáp Huy Tường.
2. Ông Nguyễn Quang Kim.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Tuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Luyện - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13/3/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 49/2021/TLST-DS ngày 19/10/2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXX-ST ngày 17/01/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐST-DS ngày 06/02/2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 05/2023/QĐST-DS ngày 23/02/2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:**

1. Ông Phạm Văn Q, sinh năm 1956.
 2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1959. (vắng mặt)
- Đều địa chỉ: thôn C, xã Đ, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện theo ủy quyền của bà T là ông Phạm Văn Q. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Q là Luật sư Đồng Duy C- Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Đ và cộng sự- Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

*** Bị đơn:**

1. Ông Thân Ngọc H, sinh năm 1979. (có mặt)
 2. Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1990. (có mặt)
- Đều địa chỉ: Thôn Y, xã N, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/10/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Phạm Văn Q có mặt tại phiên tòa trình bày:

Do có mối quan hệ họ hàng với vợ chồng ông Thân Ngọc H và bà Nguyễn

Thị Thu T, nên ngày 15/5/2019 ông Q có cho vợ chồng ông H và bà T vay số tiền là 525.000.000đ. Khi vay hai bên có lập giấy vay tiền bằng văn bản. Lãi suất là 2%/tháng. Thời hạn trả: sau 30 ngày kể từ ngày vay, trả 300.000.000đ; số tiền còn lại trả trong vòng 1 năm.

Quá trình vay, vợ chồng ông H, bà T không trả được gốc và lãi khi đến hạn, ông Q có đòi nhiều lần nhưng ông H và bà T mới trả được 22.000.000đ tiền lãi, còn gốc thì chưa trả được một đồng nào.

Nay ông Q làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông H và bà T phải trả cho ông Q số tiền gốc vay là 525.000.000đ.

Về lãi suất: ông Q đề nghị tính lãi suất theo quy định pháp luật là 1,66%/tháng; 20%/năm kể từ khi cho vay 15/5/2019 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm nhưng tính tròn là 45 tháng 28 ngày sau đó trừ đi số tiền lãi đã nhận, cụ thể như sau:

$525.000.000đ \times 1,66\%/tháng \times 45 tháng; 28 ngày = 400.260.000đ.$

Sau khi trừ đi số tiền lãi ông Q đã nhận thì số tiền lãi còn lại là:

$400.260.000đ - 22.000.000đ = 378.260.000đ.$

Tổng cộng gốc lãi ông H và bà T phải trả cho vợ chồng ông Q và bà T là: $525.000.000đ + 378.260.000đ = 903.260.000đ$

Tại phiên tòa hôm nay, ông Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Thân Ngọc H và bà Nguyễn Thị Thu T có mặt tại phiên tòa trình bày:

Do có mối quan hệ họ hàng với ông Phạm Văn Q nên trong khoảng thời gian từ 2017 đến năm 2019 vợ chồng ông H và bà T có vay của Quý nhiều lần. Ngày 15/5/2019 vợ chồng Hiền, Trang có viết giấy vay số tiền là 525.000.000đ nhưng thực chất chỉ có khoảng 200.000.000đ là tiền gốc vay, còn lại là lãi cộng dồn. Lý do ông H và bà T ký giấy vay này là để ông H và bà T lấy lại sổ đỏ. Ông H và bà T xác định chữ ký trong giấy vay là của ông H và bà T và xác định cũng sẽ trả số tiền này. Trước khi viết giấy vay, ông H và bà T có trả ông Q được 40.000.000đ; sau khi viết giấy vay, ông H và bà T có trả ông Q được 4 lần cụ thể như sau: Lần 1 ngày 30/4/2021 trả 17.000.000đ; lần 2 ngày 19/10/2021 trả 5.000.000đ; lần 3 ngày 05/8/2022 trả 20.000.000đ; lần 4 ngày 08/11/2022 trả 80.000.000đ. Việc trả số tiền trên trong đó có số tiền 100.000.000đ bà Dương Thị Dung là mẹ đẻ của bà T vay hộ và nằm trong số tiền khoảng 200.000.000đ gốc vay. Việc ông Q khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông H và bà T phải trả số tiền gốc vay là 525.000.000đ và lãi phát sinh. Ông H, bà T không đồng ý trả cả mà chỉ đồng ý trả số tiền cả gốc và lãi là 300.000.000đ.

Anh Nguyễn Trọng Quyết là người ký vào giấy vay tiền làm chứng cho các bên về việc ông H và bà T vay ông Q số tiền là 525.000.000đ. Nhưng tại phiên tòa ông Quyết có mặt trình bày là không biết các bên vay số tiền là bao nhiêu và không nhìn thấy việc giao tiền cho vay.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy

định. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đã không chấp hành đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về gốc vay: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Q về việc buộc ông Thân Ngọc H và bà Nguyễn Thị Thu T phải trả cho ông Phạm Văn Q số tiền gốc vay 525.000.000đ.

Về lãi suất: Lãi suất được ghi vào giấy vay là 2%/tháng. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự thì lãi suất 2%/tháng (tương đương 24%/năm) là vượt quá 20%/năm nên chỉ được chấp nhận 20%/năm (tương đương 1,66%/tháng). Nên cần chấp nhận yêu cầu trả lãi của ông Q. Cụ thể:

$525.000.000\text{đ} \times 1,66\%/tháng \times 45\text{ tháng}; 28\text{ ngày} = 400.260.000\text{đ}.$

Sau khi trừ đi số tiền lãi ông Q đã nhận thì số tiền lãi còn lại là:

$400.260.000\text{đ} - 22.000.000\text{đ} = 378.260.000\text{đ}.$

Tổng cộng gốc lãi ông H và bà T phải trả cho vợ chồng ông Q và bà T là:
 $525.000.000\text{đ} + 378.260.000\text{đ} = 903.260.000\text{đ}$

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Thân Ngọc H và bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1]. Bà Nguyễn Thị T vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho ông Phạm Văn Q nên Tòa án quyết định xét xử vắng mặt bà T theo như quy định tại Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn có địa chỉ tại xã Nghĩa Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Do vậy, theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

[1.3] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] *Về thời hiệu khởi kiện:* Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về Thời hiệu khởi kiện về hợp đồng: Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Tuy nhiên, trong hợp đồng vay tài sản không ghi ngày trả nên Hội đồng xét xử xác định còn thời hiệu khởi kiện.

[2] *Về nội dung tranh chấp:*

[2.1] *Về số tiền gốc vay:* Ông Q khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông H và bà T phải trả cho ông Q số tiền gốc vay là 525.000.000đ.

Xét thấy: Căn cứ vào giấy vay tiền mà ông Q đã giao nộp do bà T trực tiếp viết và ký; Mặc dù ông H và bà T chỉ thừa nhận có vay 200.000.000đ tiền gốc vay; Mặc dù lời khai của người làm chứng là không nhìn thấy việc giao nhận tiền nhưng căn cứ vào giấy khất nợ ngày 20/5/2020 thì có căn cứ vợ chồng ông H và bà T đã vay của ông Q số tiền là 525.000.000đ; Khi vay có cả ông H và bà T ký

giấy vay, nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q về việc buộc ông H và bà T phải trả cho ông Q và bà T số tiền gốc vay là 525.000.000đ.

Bà T và ông H cho rằng số tiền ông Q cho bà Dung vay là số tiền mà bà Dung vay hộ cho Trang và đã được Tòa án nhân dân huyện Yên Thế giải quyết buộc bà Dung phải trả và bà Dung đã trả cho ông Q số tiền 100.000.000đ vào ngày 05/8/2022 trả 20.000.000đ; và ngày 08/11/2022 trả 80.000.000đ nên ông Q phải trừ đi số tiền này vào số tiền ông bà còn nợ. Ông Q không thừa nhận và cho rằng việc ông cho bà Dung mẹ của bà T vay tiền là không liên quan đến số tiền 525.000.000đ mà ông cho ông H và bà T vay. Hội đồng xét xử xét thấy: Tranh chấp giữa ông và bà Dung đã xét xử bằng bản án có hiệu lực pháp luật. Việc thanh toán giữa hai bên đã xong. Ông H và bà T cũng không có căn cứ chứng minh số tiền bà Dung vay được cộng dồn bảo số tiền 525.000.000đ, nên không có căn cứ chấp nhận phản đối của ông H và bà T.

[2.2] Về số tiền lãi vay:

Lãi suất được ghi vào giấy vay là 2%/tháng. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự thì lãi suất 2%/tháng (tương đương 24%/năm) là vượt quá 20%/năm nên chỉ được chấp nhận 20%/năm (tương đương 1,66%/tháng). Việc ông Q yêu cầu tính lãi suất 20%/năm; 1,66%/tháng là hoàn toàn phù hợp, đúng quy định của pháp luật. Cụ thể:

$525.000.000đ \times 1,66\%/tháng \times 45 tháng; 28 ngày = 400.260.000đ.$

Sau khi trừ đi số tiền lãi ông Q đã nhận thì số tiền lãi còn lại là:

$400.260.000đ - 22.000.000đ = 378.260.000đ.$

Tổng cộng gốc lãi ông H và bà T phải trả cho vợ chồng ông Q và bà T là:
 $525.000.000đ + 378.260.000đ = 903.260.000đ$

[3] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Thân Ngọc H và bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, **Điều 227; khoản 1 Điều 228**, Điều 147, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 464, Điều 465, Điều 466, Điều 357, khoản 1 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ **khoản 2 Điều 26** Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn Q và bà Nguyễn Thị T.

Buộc ông Thân Ngọc H và bà Nguyễn Thị Thu T phải trả cho ông Phạm Văn Q và bà Nguyễn Thị T số tiền tổng cộng là 903.260.000đ (Chín trăm linh ba triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng); trong đó: gốc vay là 525.000.000đ; lãi vay là 378.260.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Thân Ngọc H và bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu 39.097.800 đồng (*Ba mươi chín triệu không trăm chín bảy nghìn tám trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND H. Việt Yên;
- CCTHA-DS H. Việt Yên;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Trường

